

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2020/HS - ST
Ngày: 29-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các hội thẩm nhân dân :

Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Như Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại nhà văn hóa khu dân cư B, phường C, thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 141/2020/HSST – ST ngày 01 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M, sinh năm 1960 tại thành phố C, tỉnh H; Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư số 11, phường P, thành phố C, tỉnh H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa(học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và con bà Trần Thị N; có chồng: Đào Văn H và 02 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Khu dân cư số 11, phường P, thành phố C, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2014 đến tháng 6 năm 2019, Nguyễn Thị M đã cho bà Nguyễn Thị H vay 7 khoản với tổng số tiền là 530.000.000 đồng với lãi suất là 51.600.000 đồng/1 tháng, trong đó có 01 khoản vay lãi suất là 97,3%/năm không vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS, 06 khoản vay với mức lãi suất cho vay từ 108%/năm đến 144%/năm. Cụ thể số tiền gốc và mức lãi suất từng khoản vay là:

- Ngày 20/8/2014 (tức ngày 25/7/2014 âm lịch), Nguyễn Thị M cho bà H vay 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), lãi suất 4.500.000 đồng/01 tháng = 108%/ năm. Tính từ ngày 01/01/2018 (tức ngày 15/11/2017 âm lịch) đến ngày 25/8/2019 (tức ngày 25/7/2019 âm lịch), bà H đã trả cho Nguyễn Thị M tiền lãi trong thời gian 20 tháng, 10 ngày = 91.500.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 16.944.444 đồng, số tiền Nguyễn Thị M đã thu lợi bất chính là 74.555.556 đồng.

- Ngày 02/9/2017 (tức ngày 12/7/2017 âm lịch), Nguyễn Thị M cho bà H vay 90.000.000 đồng, lãi suất 10.800.000 đồng/ tháng = 144%/ năm. Tính từ ngày 01/01/2018 (tức ngày 15/11/2017 âm lịch) đến ngày 10/9/2019 (tức ngày 12/8/2019 âm lịch) bà H đã trả cho Nguyễn Thị M tiền lãi trong thời gian 20 tháng, 27 ngày = 225.720.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 31.350.000 đồng, số tiền Nguyễn Thị M đã thu lợi bất chính là 194.370.000 đồng.

- Ngày 01/02/2018 (tức ngày 16/12/2017 âm lịch), Nguyễn Thị M cho bà H vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5.250.000 đồng/01 tháng = 126%/ năm. Tính đến ngày 16/8/2019 (tức ngày 16/7/2019 âm lịch), bà H đã trả Nguyễn Thị M tiền lãi trong thời gian 19 tháng = 99.750.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 15.833.333 đồng, số tiền Nguyễn Thị M đã thu lợi bất chính là 83.916.667 đồng.

- Ngày 13/12/2018 (tức ngày 07/11/2018 âm lịch), Nguyễn Thị M cho bà H vay 120.000.000 đồng, lãi suất 11.000.000 đồng/ tháng = 111,5%/ năm. Tính đến ngày 05/9/2019 (tức ngày 07/8/2019 âm lịch), bà H đã trả cho Nguyễn Thị M tiền lãi trong thời gian 09 tháng = 99.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 17.753.425 đồng, số tiền Nguyễn Thị M đã thu lợi bất chính là 81.246.575 đồng.

- Ngày 29/12/2018 (tức ngày 23/11/2018 âm lịch), Nguyễn Thị M cho bà H vay 90.000.000 đồng, lãi suất 9.000.000 đồng/01 tháng = 121,7%/ năm. Tính

đến ngày 23/8/2019 (tức ngày 23/7/2019 âm lịch) bà H đã trả cho Nguyễn Thị M tiền lãi trong thời gian 08 tháng = 72.000.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 11.835.616 đồng, số tiền Nguyễn Thị M đã thu lợi bất chính là 60.164.384 đồng.

- Ngày 31/3/2019 (tức ngày 26/02/2019 âm lịch), Nguyễn Thị M cho bà H vay 30.000.000 đồng, lãi suất 3.100.000 đồng/ tháng = 125,7%/ năm. Tính đến ngày 26/8/2019 (tức ngày 26/7/2019 âm lịch), bà H đã trả cho Nguyễn Thị M tiền lãi trong thời gian 05 tháng = 15.500.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 2.465.753 đồng, số tiền Nguyễn Thị M đã thu lợi bất chính là 13.034.247 đồng.

- Ngày 13/6/2019 (tức ngày 11/5/2019 âm lịch), Nguyễn Thị M cho bà H vay 100.000.000 đồng, lãi suất 8.000.000 đồng/ tháng = 97,3%/ năm (không vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Tính đến ngày 09/9/2019 (tức ngày 11/8/2019 âm lịch), bà H đã trả cho Nguyễn Thị M tiền lãi trong thời gian 03 tháng = 24.000.000 đồng.

Ngoài số tiền lãi trên thì ngày 13/10/2019 (tức ngày 15/9/2019 âm lịch), bà H đã trả cho Nguyễn Thị M số tiền 40.000.000 đồng là tiền lãi của tháng cuối đối với tất cả 07 (Bảy) khoản vay; số tiền lãi 11.650.000 đồng còn lại, bị cáo M đã cho bà H, không yêu cầu bà H phải thanh toán.

Ngày 13/10/2019, Bà H giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 (Một) bảng kê chi tiết tiền gốc và lãi hàng tháng của 07 khoản vay trên được lập giữa bà Hiên và Nguyễn Thị M; 01 (Một) giấy biên nhận ghi ngày 13/10/2019 có chữ ký của Nguyễn Thị M.

Tại Kết luận giám định số 7461/C09-P5 ngày 31/12/2019 của Viện k - Bộ C kết luận: Chữ ký, chữ viết trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Bảng kê chi tiết tính gốc + lãi hàng tháng do Nguyễn Thị H giao nộp), trừ các chữ ở phần “Người vay” và mẫu ký hiệu A2 (Giấy biên nhận ghi ngày 13/10/2019) so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị M trên các mẫu so sánh do cùng một người viết, ký ra.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSCL ngày 05 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh H đã truy tố Nguyễn Thị M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định khoản 2 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị

M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định khoản 2 Điều 201 BLHS.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 35; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo từ 200.000.000đồng đến 250.000.000đồng, thời hạn chấp hành án tính từ ngày thi hành án. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải nộp số tiền 430.000.000đồng gốc và số tiền lãi 96.182.571 đồng sung quỹ Nhà nước. Về án phí: Bị cáo M phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, VKSND thành phố C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 26 tháng 8 năm 2019, Nguyễn Thị M đã cho bà H vay 6 khoản tiền, với tổng số tiền vay là 430.000.000đồng với mức lãi suất cho vay từ 108%/năm đến 144%/năm, vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất là 20%/năm theo quy định tại Điều 468 BLDS. Số tiền lãi là 603.470.000đồng, trong đó tiền lãi được phép thu là 96.182.571 đồng, tiền thu lợi bất chính là 507.287.429 đồng nên đủ căn cứ xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay

lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng xem xét tới các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ sau: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo M thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo có em trai được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Trước khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật tại bản án này, bị cáo luôn thực hiện đúng những quy định của pháp luật, có nhân thân tốt, đã lớn tuổi nên nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội vẫn có thể răn đe, giáo dục phòng ngừa chung và rèn luyện bị cáo trở thành người có ích nên cần chấp nhận đề nghị Viện kiểm sát nhân thành phố C tại phiên tòa hôm nay .

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố C đã thu giữ của Nguyễn Thị M 01 quyển sổ kích thước (24 x15,7)cm, có bìa màu xanh tím than, trên bìa có ghi “Agenda 2006 Nhiệt điện Phả Lại”, loại sổ có dòng kẻ, bên trong có các trang có nhiều số và chữ viết. Trong đó có 01 trang thể hiện nội dung vay tiền giữa bà H với bà Nguyễn Thị M, tổng số tiền 530.000.000đồng. Quyển sổ cùng Bảng kê chi tiết tính gốc, lãi hàng tháng và Giấy biên nhận ghi ngày 13/10/2019 do bà H giao nộp tiếp tục được lưu giữ, quản lý trong hồ sơ vụ án.

[6] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc 430.000.000đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 96.182.571 đồng bị cáo M cho bà H vay, hiện bà H đã thanh toán trả cho bị cáo M. Đây là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội và tiền phát sinh từ tội phạm nên cần truy thu để sung quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và các điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Đối với số tiền thu lợi bất chính, bị cáo Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 507.287.429đồng. Hiện bị cáo M đã thanh toán trả cho bà H, bà H không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Trong vụ án, đối với khoản vay ngày 13 tháng 6 năm 2019 tức ngày 11 tháng 5 năm 2019 âm lịch, bị cáo M cho bà H vay số tiền 100.000.000đồng, lãi

suất 8.000.000đồng/1 tháng =97,3%/năm, không vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Điều 468 BLDS nên không đặt ra việc xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo M bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 250.000.000đồng, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải nộp số tiền gốc 430.000.000đồng và số tiền lãi 96.182.571 đồng sung quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu 200.000đồng (án phí hình sự sơ thẩm).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- VKSND tỉnh H;
- Công an thành phố C;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương